



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

Số 34, Tháng 9-10, 1997

2001 Talmage Road, Talmage, CA 95481-0217



Độc trong số này

- Phát Triển Phật Giáo Phải Bắt Đầu Từ Giáo Dục
- Kim Cang Kinh Thiển Thích
- Chứng Đạo Ca
- Thông Báo
- A-Di-Đà Kinh Thiển Thích
- Rèn Luyện Cốt Khí
- Sơ Lược về Phật Giáo
- HT Hư Vân họa truyện #7

English section

- Dharma Talk: Developing Buddhism Through Education*
- A Brief Introduction to Buddhism - Chapter 2: The Cause of Suffering*
- The General Explanation of Vajra Paramita Sutra*
- The General Explanation of The Buddha Speaks of Amitabha Sutra*

Phát Triển Phật Giáo Phải Bắt Đầu Từ Giáo Dục Developing Buddhism Through Education

Ven. Master Hua's Talk on November 15, 1993

HT Tuyên Hóa

Đất Mỹ không phải là nơi dễ hoàng dương Phật pháp. Nếu muốn đạo Phật lớn mạnh ở đây thì mỗi người mình phải gánh lấy trách nhiệm làm Phật giáo phát triển.

Phải bắt đầu từ đâu để làm đạo Phật lớn mạnh? Theo ý tôi, mình phải bắt đầu từ nền giáo dục. Nếu chỉ đơn thuần thuyết pháp thôi, thì đạo Phật khó đâm rễ phát chồi. Bởi vậy, mình phải từ nền giáo dục mà khởi đầu, hun đúc tinh thần đạo pháp trong tâm con trẻ. Một khi chúng hiểu thấu đạo lý nhà Phật, rồi áp dụng vào đời, rằng “*Chẳng làm chuyện gì ác, toàn làm những việc lành*” thì khi đó gốc rễ của đạo mới mọc sâu đặng. Phật giáo bên Trung Quốc xem nhẹ điều này, chỉ biết giảng kinh thuyết Pháp nhưng không biết hướng dẫn con trẻ thâm hiểu đạo màu. Nên chi, gặp gió to sóng lớn thì

It's not easy to promote Buddhism in the United States. Therefore, everyone should take on the responsibility to propagate Buddhism so that the Buddha Dharma can flourish.

Where should we start? In my opinion, we should start with education. If you simply speak Dharma, you can't plant the roots. You have to work on education to infuse the spirit of Buddhism in the children's mind. Only when they understand the principles of Buddhism and can practice them in their daily life, “stopping all evil and cultivating all good,” can the roots of Buddhism be planted. Chinese Buddhism neglected this in the past. People only spoke Dharma and expounded the Sutras, without knowing how to teach the children the profound and wonderful teachings of Buddhism. Because of this weak foundation, when encountering “catastrophes” Buddhism was almost destroyed. If we start out improving the education system; if the children are taught to understand the

Phật giáo cơ hồ bị hủy diệt. Nếu ta khởi đầu bằng việc cải thiện nền giáo dục, dạy dỗ để con em hiểu Phật giáo thì khi lớn lên chúng sẽ tự nhiên hoằng dương đạo pháp. Bởi vậy chúng ta, người con Phật, mình phải chú ý điểm này. Chớ để suốt ngày tai nghe những chuyện, mắt thấy những việc, miệng nói những lời rất là để kiếm tiền, làm giàu, chẳng chút ích lợi gì đối với Phật giáo cả. Mỗi người chúng ta phải chịu trách nhiệm dạy dỗ kẻ hậu bối để chúng hiểu rõ Phật pháp. Việc này quan trọng lắm.

Hiện nay trên đất Mỹ này, đàn ông đàn bà ai cũng lo làm lụng, cho nên họ xao lãng việc giáo dục con em. Họ tưởng rằng khi đến trường con em mình sẽ được dạy những tri thức cần phải học. Họ không ngờ rằng sau khi tới trường các em càng ngày càng hư, càng ngày càng không biết vâng lời. Thầy giáo và phụ mẫu cũng chẳng có tiếp thông với nhau nữa. Thầy dạy trò rằng hễ con kiếm được tiền nhiều thì mới có thể lực, rằng muốn danh tiếng vang lừng nhất thiên hạ thì con phải làm cách mạng trong gia đình, đánh đổ cha mẹ. Khi thầy giáo dạy thế, con em về nhà sẽ chẳng còn nghe lời phụ mẫu nữa. A! Những trường học như thế chẳng nên để con em học là phải.

Chúng ta phải gánh lấy trách nhiệm. Mỗi người cần có nghĩa vụ; nghĩa vụ gì? Đối với người có học vấn, trí huệ, ban ngày đi làm, tối về nên dành thời giờ đi dạy em trẻ, dù là ở trường hay ở nhà đều tốt. Hãy hết lòng với nghĩa vụ, chớ cần thù lao hay lương bổng. Khi thế hệ tương lai được dạy dỗ đàng hoàng thì thế giới, nhân loại mới có hạnh phúc đặng. Khi thế hệ mai sau chẳng được chăm sóc dạy dỗ, thì trẻ em hư hỏng sẽ đầy dẫy khắp chốn, hết như ở Mỹ hiện nay vậy; rằng ngày nào cũng có trẻ em giết người, đốt nhà, cướp của.

Đặc biệt là ở Los Angeles, ngày ngày người ta thường có cảm giác nguy ách, bất an, sợ rằng chẳng biết lúc nào sẽ bị bắn chết! Có lẽ số người bị chết vì đạn bắn nhiều hơn kẻ tử nạn ở Iraq. Đó là vì sao? Là vì người ta đã xao lãng việc giáo dục, mà coi trọng cái đồng tiền. Rồi hễ chú trọng việc làm tiền thì việc giáo dục học hành làm sao tốt được. Nhất là hiện nay các bậc gia trưởng, chẳng những người cha đi làm, mà người mẹ, vì có quyền bình đẳng và tự do, nên cũng đi làm; kết quả là khiến con cái bị bỏ bê chẳng được ngó ngang. Có em được gởi tới vườn trẻ (kindergarten) hay trường ký túc (nursery) rồi bị ảnh hưởng toàn chuyện không tốt. Trào lưu cứ thế mà đi xuống khiến thế

teachings, then they naturally propagate Buddhism as they grow older. All Buddhists must pay attention this. Don't let the focus of everything you see, hear, and talk about be solely on making a fortune, which is of no benefit to Buddhism. Everyone of us must take on the responsibility of educating the future generation so they can understand the Dharma. This is very important matter.

In The Quest for Profit, Education is Overlooked.

In American society today, both men and women are out for money. They forget about their children's education and assume that the children will learn what they should at school. However, at school, children often become worse. They are becoming less and less obedient. Parents and teachers have lost communication with one another. Teachers tell the students that to be most successful in the future requires making the most money. To be number one in the world, first you have to revolutionize in the home, claiming independence from the parents. Teachers instigate students to be disobedient to their parents. Ah! This kind of school! It would be better if we do not send our children there.

Everyone should voluntarily take responsibility. What kind of responsibility? Those who have knowledge and wisdom, but who work in the daytime should volunteer some time at night to teach at school or at home. To do this voluntarily means you don't seek for a reward or a salary. You fulfill your responsibility at school or at home to teach the next generation well. Only when the next generation is taught properly can the world find peace and happiness. If the next generation has not been educated well, as is the case now in America, then juvenile delinquents are everywhere. Everyday, there are children who kill, set fires, and rob.

Especially in Los Angeles, people feel insecure and their lives are in peril, because someday, with one shot, they might be killed. There are probably more people who die from shootings than from the war in Iraq. What causes this? It's simply because people have ignored education, and value money instead; since their priority is in earning money, they don't receive an adequate education. Particularly now, not only do men work for money, women do too, demanding equality and freedom. Children then are ignored by those parents. In a nursery school or kindergarten, children are influenced by improper things. In this way, morality falls lower and lower, worse and worse, generation after generation. And it's all because of the neglect of education!

hệ sau chẳng bằng thế hệ trước, càng ngày càng tệ hại. Tất cả cũng chỉ vì nền giáo dục bị bỏ bê.

Tại sao đạo đức ngày càng suy đồi, mà người ta ngày càng điên đảo? Xét cho cùng, thì bởi vì ai cũng truy cầu chữ *lợi*. Chỉ vì tranh lợi nên họ bỏ quên việc giáo dục. Nhiều trường đại học cạnh tranh với nhau để nhận vào thật nhiều học sinh, rồi thu thật nhiều tiền. Họ chẳng chú ý gì đến việc giáo dục tốt các em, do đó sự giáo dục chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Các trường lại khuyến khích sự tự do, phóng túng, lãng mạn giữa nam nữ khiến giới trẻ điên đảo thần hồn, chẳng có một tôn chỉ để làm người nữa. Nền giáo dục vì thế cũng mất hết giá trị.

Chỉ vì chữ *lợi* nên nhiều thầy cô yêu cầu tăng lương; có khi họ dùng học sinh làm bình phong, đình công bãi khóa để uy hiếp xã hội. Tại sao họ làm vậy? Vì *lợi*. Do đó đất nước, xã hội mất hẳn gốc rễ lý tưởng và luân lý, đi vào ngọn ngành, sai lạc. Cho nên thế giới mới loạn. Giáo dục không ra giáo dục, học sinh không ra học sinh. Ôi! chữ *lợi* này, làm hại người thế gian đến chỗ mê hoặc “sống trong cơn say, chết thật mù mờ”. Họ chẳng còn hiểu thế nào là đạo đức, là nhân nghĩa, là *hiếu, đễ, trung, tín, lễ nghĩa, liêm, sĩ*. Họ chẳng còn biết liêm sĩ, chẳng còn có lòng sám hối gì cả.

Thậm chí ở Mỹ làm cha mẹ chỉ biết đẻ con, mà không biết dạy con. Nếu con em lớn lên chẳng có kiểm thúc, thì chúng sẽ tùy ý tự do làm càn, ngay cả giết người, cướp của. Thí dụ như ở Chicago, có em bé chỉ mới bốn tuổi mà đã biết đốt nhà, thiêu chết nhiều người. Thế mà phụ mẫu của em lại cho rằng nó tốt. Với kiểu tự do phát triển như thế nên khi em ta lớn lên nó sẽ trở nên thành phần bất lương, chuyên môn trộm cướp. Các bạn xem! Đó là kết quả của nền giáo dục tự do phát triển. Các bạn hãy nghĩ coi, vấn đề này nghiêm trọng đến dường nào!

Cùng Nhau Góp Sức Dịch Kinh

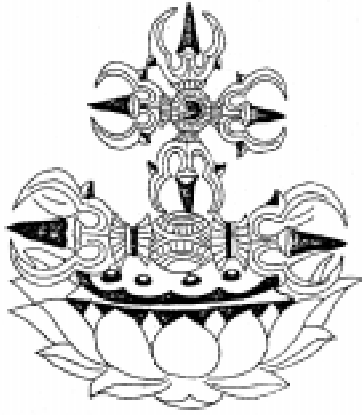
Ban Phiên Dịch Kinh Điển, trực thuộc Vạn Phật Thánh Thành chúng tôi được thành lập với ý nguyện dịch sang Việt ngữ giáo pháp của Hòa Thượng Tuyên Hóa. Song những bài pháp của Hòa Thượng thì nhiều vô số! Những bài ấy gồm đủ loại: từ kinh, luật, luận, đến thơ, văn giảng giải đạo pháp; từ thể văn cổ đến thể văn bạch thoại. Nếu các bạn đạo hữu có tâm nguyện hoằng pháp, hoặc có năng lực phiên dịch, hoặc có ý tham gia công việc lợi lạc chúng sinh, xin hoan nghinh các bạn chia sẻ sứ mạng của ban phiên dịch chúng tôi. Để biết rõ thêm chi tiết về công tác phiên dịch, xin các bạn đạo hữu liên lạc về Long Beach Sagely Monastery.

Why is it that the morality of the world has declined and people have become so upside-down, day-by-day? The fundamental reason is because people fight for profit. Seeking for profit causes education to be neglected. The universities compete among themselves for the greatest number of students in order to get more profits. They're not that concerned about providing a good education. Therefore, education has lost its significance. Moreover, the schools encourage students to become dissipated, liberal, free, and frivolous. Students have lost sight of the principles of being human. Education has lost its value.

Because of the concern for profit, some teachers ask for salary raises. Sometimes teachers go on strike, using the youth in order to threaten society. Why is this? Again, it is due to the quest for benefits. The whole society has lost its basic concepts and ideals, and has gone running off to the branch-tips (i.e. gone astray). Therefore the world has become chaotic. Education is not like education and students are not students anymore. It is all because of the thirst for profits. Ah! This harm has caused the whole world to “live drunk and die dreaming.” They know nothing about morality, humanness and righteousness. People fail to understand filial piety, brotherhood, loyalty, trustworthiness, and propriety. They don't have integrity, honor, or remorse.

American parents, in particular, are capable of giving birth to children, but they aren't able to educate them well. The children grow up unrestrained, and do everything as they wish including killing and setting fires. For instance, that person from Chicago who set a fire and caused many people to be killed when he was only four years old, and his parents thought that was good conduct! As the result of his liberal upbringing, he grew up to be a leader of the underworld society, specializing in stealing. All of you just think about how serious the situation is!





Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

A General Explanation of
The Vajra Prajna Paramita Sutra
by Ven. Master Hsuan Hua

Hòa Thượng Tuyên Hóa thuyết giảng tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

The Title

The Vajra Prajna Paramita Sutra

Hôm nay bắt đầu giảng Kinh Kim Cang. Kinh này nằm trong bộ **Bát-Nhã**. Nói theo **Ngũ thời Bát Giáo**, thì Phật thuyết Kinh Kim Cang vào thời-kỳ thứ tư, tức thời Bát Nhã. Kinh thì thuộc loại biệt giáo, và là một quyển trong số sáu trăm quyển của bộ Bát Nhã. Phật nói toàn bộ kinh Bát Nhã, tính tổng cộng trong 22 năm. Phật cũng nói trước là tương lai sau đó, kinh này rất thịnh hành tại Chấn-Đán (tức Trung Hoa), rồi từ đó truyền sang các nước khác trên thế giới.

Ngài Huyền Trang đời Đường, phụng chiếu vua Đường Cao-Tông phiên dịch sáu trăm quyển của bộ Bát Nhã. Trong bản tiếng Phạn có tất cả 200.000 câu tụng, và với một thái độ hết sức nghiêm cẩn, Ngài phiên dịch đầy đủ, không dám có chỗ nào tự ý lược bỏ. Công trình phiên dịch tại chùa Đại Hưng-Thiện bắt đầu từ năm Hiên-Khánh thứ 5 (năm 660 sau TC) cho đến năm Long-Sóc thứ 3 (năm 663), tức là chỉ sau 4 năm là hoàn thành. Lúc đó, các cao-tăng đại-đức trong toàn quốc, các vị có tiếng tăm, đều góp công phụ giúp trong việc phiên dịch và nhuận sắc, đánh dấu một thời kỳ sản lạn nhất trong lịch sử phiên dịch kinh Phật giáo của nước Trung-Hoa.

Một năm nào đó trong thời gian phiên dịch, người ta thấy hoa đào nở bông, sáu lần trong một năm, đủ chứng tỏ công đức phiên dịch là trọng

Sakyamuni Buddha's teaching, taken as a whole, divides into Five Periods and Eight Teachings. The Vajra Prajna Paramita Sutra belongs to the fourth, or prajna period, and among the first four teachings it is the third, the specific teaching.

The Great Prajna Sutra, which contains what the Buddha said about prajna, comprises over 600 volumes of which the Vajra Sutra is just one. Prajna is important, as can be seen by the fact that the Buddha, having spoken prajna for a full twenty-two years, declared that the Prajna Sutras would be disseminated to every land.

Tripitaka Master Hsuan Tsang, partially fulfilling that prediction, translated the Great Prajna Sutra from Sanskrit into Chinese in the T'ang Dynasty at Ta Hsing Shan Monastery with the aid of more than one thousand bhiksus and over two thousand laymen. Ta Hsing Shan was not a small place. From the Abbots' room to the front gate was a distance of over three miles, and the monk in charge of opening and shutting the front gate usually rode a horse in order to cover the distance in a reasonable length of time. Being so large, the monastery easily accommodated the three to four thousand people involved in the work of translation.

During the year the Great Prajna Sutra was translated, the peach trees blossomed six times. That auspicious occurrence testified to the importance of the Prajna Sutra. It is also widely known that the flower spirits and

yếu dường nào, khiến cho các loại thần hoa, thảo mộc, đều hết lòng ủng hộ tán thán.

*Pháp bất cô khởi,
Trượng cảnh phương sanh,
Đạo bất hư hành,
Ngộ duyên tức ứng.*

Dịch nghĩa :

*Pháp chẳng tự sanh
Do cảnh mà có
Đạo chẳng ngẫu nhiên
Vì duyên mà ứng.*

Hồi mới tới nước Mỹ, tôi lấy hiệu là ‘*Một trung tăng*’, tức là ‘kẻ tu hành ở trong nắm mồi’, ý nói không muốn cùng người tranh đua. Cho đến mùa hè năm nay, bỗng có mấy chục người, vừa học giả, vừa sinh viên, từ đại học Seattle, Washington, cùng tới để cầu pháp. Cảm động trước sự thành khẩn của các vị này, đã không quản ngại ngàn dặm xa xôi, tới xin học đạo, tôi cho tổ chức một thời tịnh tu suốt 96 ngày trong dịp nghỉ hè, giảng bộ kinh Lăng-Nghiêm. Rồi có người xin thỉnh giảng kinh Kim-Cang. Chẳng kể giảng được hay không giảng được, tôi bèn thuận miệng đáp ứng. Nay tôi sẽ giản lược giảng kinh Kim-Cang, do đó tôi sẽ không đề cập tới các ý niệm như ‘*bảy loại lập đề*’, cũng như không nói tới ‘*ngũ trùng huyền nghĩa*’. Tôi sẽ chia thành ba phần, một để giải thích về các danh xưng, hai là nói về dịch giả và ba là giảng giải văn nghĩa.



PHẦN 1: GIẢI THÍCH DANH XƯNG.

Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh

Nói về **Kim Cang** thì kim cang là gì ? Đó là kim cang tâm, cũng là kim cang tính, mà cũng là kim cang bát nhã. Kim cang tâm cũng là tính chất của kim cang, tính chất của kim cang cũng là bát nhã của kim cang. Nói ra nhiều danh từ, nhưng tóm lại chỉ là một.

Tại sao nói kim cang là ‘tự tánh’ ? Tự tánh đó vĩnh viễn bất hoại, tự tánh kim cang cũng là

the grass and tree spirits all came to support and protect the wonderful Dharma assembly.

The opening lecture of the Vajra Prajna Paramita Sutra marks the beginning of another prajna assembly in America. The events which led to this assembly began in 1968 when a group of eager students from Seattle came to the Buddhist Lecture Hall in San Francisco to participate in the first official seven-day meditation session ever held in America, lasting daily from six in the morning to nine in the evening—although the participants found it rigorous, it was actually very expedient. Authentic dhyana sessions start at 3 A.M. and run straight through to midnight.

At that time those people made a good impression on me and it was clear that they could work within the discipline of the Buddhadharma. During that session they requested explanation of the *Shurangama Sutra*. It is said,

Dharma does not arise alone.

Relying on conditions it is born.

The Way is not practiced in vain.

Meeting conditions there is a response.

I met their request, and during the summer of 1968 the *Shurangama Sutra* was lectured in its entirety. It was followed by the Wonderful Dharma Lotus Blossom Sutra.

I have come to America to create High Masters, future Patriarchs, Bodhisattvas, and Buddhas. After hearing the *Shurangama Sutra*, several Americans wished to leave the home life under me. To broaden their understanding of the Buddhadharma and for the sake of all the other fruits of the Way who will follow them, I am lecturing the Dharma Lotus Blossom Sutra.

On the anniversary of the day Avalokiteshvara Bodhisattva left the home life, several people requested an explanation of the *Vajra Sutra*. I consented and began to speak the Sutra in addition to the lectures on the *Dharma Lotus Blossom Sutra*.

The explanation of the *Vajra Sutra* will be simplified by omitting the usual discussion of the Seven Types of Sutra Titles and the Five Profound Meanings. Let's just open the door and look at the mountain.

The work divides into three sections:

1. General Explanation of the Title, (Chapter One).
2. The Translator, (Chapter Two).
3. Detailed Explanation of the Text, (Chapter Three through Thirty-four).

SECTION 1:

GENERAL EXPLANATION OF THE TITLE the Vajra Prajna Paramita Sutra

Vajra is a Sanskrit word which defies transla-

kim cương tâm, kim cương tâm cũng vĩnh viễn bất hoại. Kim cương bát nhã này cũng là thực tướng bát nhã, thực tướng bát nhã vĩnh viễn bất hoại.

Kim cương bát nhã ba-la-mật là danh xưng của kinh, *kim cương* là tỷ dụ, *bát nhã ba-la-mật* là pháp. Bởi vậy, chiếu theo phương pháp *Thất chủng lập đề* (theo cách này các kinh được xếp thành 7 loại, tùy theo tiêu-chuẩn đề tài của kinh) thì đây là loại kinh *pháp dụ*, lấy kim cương để dụ cho bát nhã. Giảng như vậy là đúng. Tuy nhiên, vẫn không bằng cách giảng, như tôi đã nói ở trên, đây là kim cương tâm, kim cương tính, kim cương bát nhã. Bát nhã này chính là kim cương, khỏi cần dùng tỷ dụ ; tâm này chính là kim cương, khỏi cần phải dụ ; tính này chính là kim cương, khỏi cần phải dụ.

Ít có ai giảng như vậy, các vị pháp-sư nhất loạt đều giảng theo lối *pháp dụ lập danh*. Nay tôi cũng theo lối pháp dụ lập danh, nhưng đem cả hai hợp làm một : pháp tức là dụ, dụ cũng là pháp, pháp và dụ chỉ là một. Phân ra mà nói thì là Kim Cương Bát Nhã Ba-la-mật, còn hợp lại thì nói gọn là Kim Cương, cho nên người Trung-Hoa lược bỏ mấy chữ ba-la-mật mà gọi kinh này là kinh Kim Cương. Cũng có thể nói đó là kinh Bát-nhã ba-la-mật.

Còn như ý nghĩa của ‘pháp’, tôi vẫn thường nói với quý vị là nên hiểu ‘pháp’ một cách sống động, chớ không thể hiểu nó một cách khô cứng như chết. Giảng nó là một, cũng có thể giảng nó là hai, thậm chí là ba, là bốn, đều có thể giảng được. Pháp vô định pháp, cho nên trong kinh Kim Cương có câu : ‘ *Chẳng có pháp nhất định, đó gọi là bát-nhã ba-la-mật đả*’.

Kim cương thì có đủ cả ba nghĩa : kiên cố, sáng và bén nhọn.

Bản *thể* của kim cương là kiên cố bất hoại. Chẳng có vật gì có thể phá hủy nó, ngược lại, nó có thể phá hoại mọi vật khác. Bởi vậy kim cương có thể hàng phục thiên ma, ngoại đạo. Nguyên lai, các tà tri, tà kiến của thiên ma ngoại đạo không dễ gì mà chế phục được, tuy nhiên nếu bốn chất của ta là kim cương, tất nhiên ta có thể chế phục tất cả thiên ma ngoại đạo.

Hình *tướng* của kim cương là sán lạn, có thể phá thủng màn hắc ám của thế gian. Bởi phá được hắc ám nên ánh sáng hiển hiện ; phá được tà pháp nên chánh pháp mới duy trì lâu dài. Nếu tà pháp không bị phá, chánh pháp chẳng trụ được lâu. Tướng của kim cương chính là phá trừ hắc ám.

Dụng của kim cương là sự bén nhọn của nó. Như thế nào là bén nhọn ? Có thể ví như mũi dao nhọn chặt đá, rạch thép, chém sắt như bùn,

because of its numerous connotations, but essentially vajra is an indestructible substance, usually represented by diamond. Vajra is here metaphorically extended to refer to the principles of this Discourse on Dharma. Vajra refers to the vajra heart, the vajra nature, and the vajra prajna. The vajra prajna is the vajra nature, which in turn, is the vajra prajna.

Vajra is identical with the self-nature, the essential life force of all living beings, because both are indestructible and adamant. Furthermore, the eternally dwelling heart all beings have in common is the same as the vajra nature, since it too cannot be destroyed. Prajna, as the highest form of wisdom living beings can attain, is real mark prajna, eternally indestructible. It is therefore referred to as vajra prajna.

According to the traditional explanations of the Seven Types of Sutra Titles, vajra in the title refers metaphorically to prajna, an essential Buddhist dharma. But more pointedly it may be said that prajna is vajra, the heart is vajra, the nature is vajra. To discriminate by way of analogy only serves to dull the brilliance of the splendid truth. Although dharmas may be used as figurative expressions of the one principle, as is here the case in speaking of the one principle as indestructible vajra, originally and conclusively there is only one Dharma. Such divisions of the one principle are mere expedients which serve to accord with the various understandings of living beings. Divided, we have the Vajra Prajna Paramita Sutra; united, it is Vajra Sutra. It could also be called the Prajna Paramita Sutra. There is no need for right interpretation. The Vajra Sutra itself speaks of “no fixed dharmas.” If a person holds tightly to the view that one is one and two is two, the explanation of the principle becomes lifeless.

Vajra is durable, luminous, and able to cut. The substance of vajra is durable, able to destroy what nothing else can, and you is itself indestructible. The substance of fully controls devious influences, including heavenly demons and outside ways.

The light, which is the characteristic mark of vajra, has the power to break up all darkness, yet protects itself from all destruction. Light dawns when darkness is destroyed. In protecting the faultless dharma, vajra eradicates all that is divergent and perverted. When deviant dharmas are allowed to persist in the world, then darkness flourishes. When deviant dharmas are destroyed, the faultless proper dharma shines forth more brightly to abide far longer in the world. As light is the characteristic mark of vajra, cutting is its function. Vajra can cut like the keen blade of a knife. Cutting metal, carving jade, slicing through steel as if slicing through mud—that is the power of vajra. Such sharpness pierces all obstructions and controls all deviations. Nothing can

cứng mấy cũng bị nát, bị hoại.

Nói về kim cang tâm, chúng ta không nên lầm tưởng đó là trái tim trong lồng ngực, trái tim huyết nhục của chúng ta. Trái tim huyết nhục có hình tướng của một bông sen dốc ngược, ban ngày xòe ra, ban đêm cuộn lại. Tại sao vậy ? Trong tim có lỗ, ban ngày miệng lỗ mở ra, ban đêm miệng khép lại. Trái tim đó ở đây không có công dụng gì, cũng coi là một loại của cái tâm.

Còn một loại nữa kêu là tâm vọng tưởng, cũng gọi là thức thứ sáu. Các giác quan thầy đều có thức, như mắt có nhãn thức, tai có nhĩ thức, mũi có tỷ thức, lưỡi có thiệt thức, thân có thân thức, ý có ý thức. Mọi người đều cho rằng tâm huyết nhục là thức thứ sáu, đó chính là một sự sai lầm. Sai lầm thứ hai là đồng hóa tâm vọng tưởng với chân tâm. Kinh Lăng-Nghiêm ghi như sau : *‘ Phật bảo A-Nan, cái đó chẳng phải là tâm của ông. Đó là tiền trần, tưởng tượng hư vọng, làm cho chân tánh của ông bị mê lầm. Cái đó là do từ vô thủy cho đến nay, ông nhận giặc làm con nên mất đi nguyên lý muôn đời, để phải chịu luân hồi sinh tử. ’* Đoạn này trong kinh thật là trọng yếu, nói rõ thức thứ sáu là vọng tưởng, vì vậy Phật phá trừ vọng thức cho ông A-nan.

Tâm vọng tưởng thần thông biến hóa, hốt đông, hốt tây, hốt nam hốt bắc, chẳng cần có hỏa tiễn cũng có thể tới được mặt trăng. Ông A-nan cho rằng tâm đó chính là tâm của mình, nhưng Phật thì bảo : *‘ Cái đó không phải là tâm của ông, đó là tiền trần, một loại hình tướng, suy tưởng hư vọng. Cái tướng hư vọng sinh ra từ sự lầm tưởng của ông đã che mờ mất chân tánh. Từ thời vô thủy đến kiếp hiện tại này, ông nhận cái đó là tâm, nhận giặc làm con, để mất vật báu cố hữu của mình, mất đi cái tâm trong sáng, quý báu, luôn luôn thường trụ bất biến của mình, cho nên mới chịu cảnh trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, không biết lúc nào ra khỏi. ’* Đoạn trên chính là nói về tâm vọng tưởng.

Còn loại thứ ba là gì ? Đó là tâm chân như. Tâm chân như là thực tướng bát-nhã, cũng chính là thực tướng. Tâm chân như rộng lớn, không có gì ngoài nó. Cũng là nhỏ và không có gì chứa trong nó. Bảo nó lớn, tức không có cái gì lớn bằng. Bảo nó nhỏ, tức không có gì nhỏ bằng. Tâm đó mới là chân tâm của mỗi người trong chúng ta.

Vậy là nghĩa của hai chữ **Kim Cang** đã được lược giảng. Bây giờ giảng tới **Bát Nhã**.

(còn tiếp)

defeat it.

The heart which is vajra does not refer to the heart within the breast. That heart is flesh and has very little use when compared to the vajra heart.

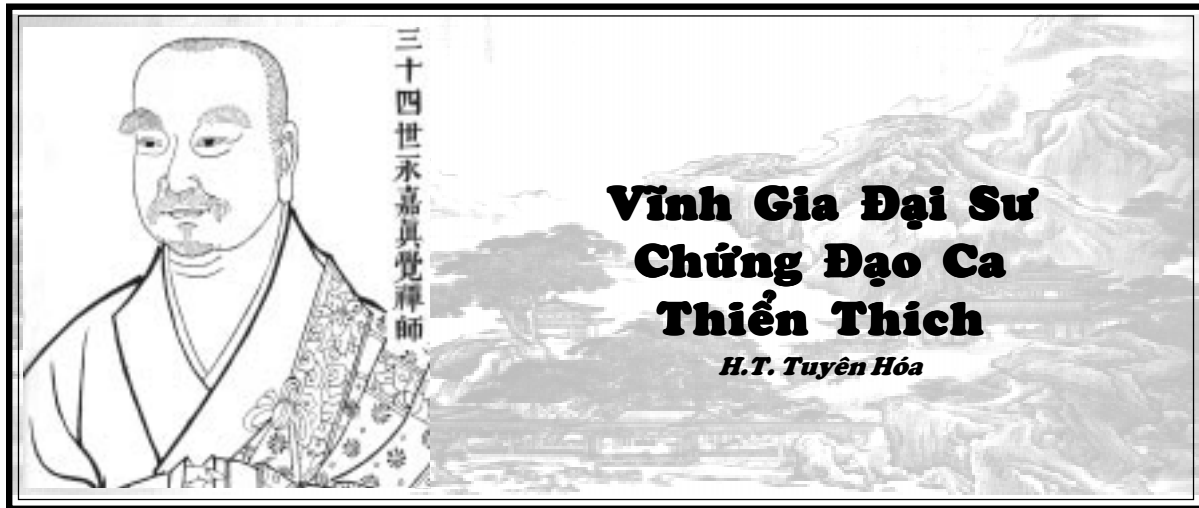
The heart of vajra is also not the false-thinking heart, the sixth mind consciousness. The eyes, ears, nose, tongue, body, and mind each has a consciousness:

Eyes have eye-consciousness,
ears have ear-consciousness,
the nose has nose-consciousness,
the tongue has tongue-consciousness,
the body has body-consciousness, and
the mind has mind-consciousness.

Common people, whose awareness does not penetrate beyond the sixth mind-consciousness, consider the flesh heart to be their true heart. That is the first mistake. The second mistake is thinking that their false-thinking heart is also their true heart, as Ananda did in the *Shurangama Sutra*.

“The Buddha told Ananda, *‘That’s not your heart. It is the dust (objects) before you, the empty false marks of thought which delude your true nature. Because of this, from beginningless time right up to your present life, you have taken a thief as your son, lost your original source, and thereby undergo the turning of the wheel. ’* This passage from the *Shurangama Sutra* is very important. It speaks of the sixth mind-consciousness which has an exceptional talent for preoccupying itself with trivial and inconsequential thoughts. Those false thoughts that are produced send the sixth consciousness-mind suddenly to East, West, North, South; suddenly up, suddenly down. One needs not sit in a rocket in order to go to the moon; the mind just give rise to the thought, “Ah, the moon...” and instantly one is there. A single false thought sends one straight to India, a single false thought and one is off to China. One produces a false thought and streets of Japan are right before one’s eyes. The same is true of Germany, France or anywhere one has been; a single false thought and one is there again.

Ananda thought the false-thinking heart was the real heart. The Buddha told Ananda, *“That is not your heart. What is it ? It is just the empty false appearance of dust objects before you. Those appearances manifest from your false thinking and delude your true nature. From beginningless kalpas until now you have always taken that as your heart. To do so is like thinking a thief is your son, and it makes you lose the knowledge of your eternal source. The source is the eternally indestructible precious nature, the enlightened bright heart. For that reason you appear and disappear endlessly in the six paths of the turning wheel. ”*



Giảng tại chùa Kim Luân Los Angeles tháng 2, năm 1985.

(tiếp theo số trước)

Tại các đại tông lâm ở Trung-hoa, thường có lệ làm cỗ chay cúng dường, mời đại chúng tất cả thọ trai. Các cư sĩ cũng thường mời nhau tới tiệm đồ chay để thọ trai, nhưng cái đó chẳng phải dùng cỗ chay để cúng Phật và Tăng. Cúng dường tại chùa mới đúng là cúng Phật và Tăng. Tam bảo là phước điền, công đức cúng Phật là chẳng thể nghĩ bàn, cúng Pháp, cúng Tăng cũng như vậy. Chúng ta học Phật pháp không nên ham ăn, chiều khẩu vị. Trong các đại tông lâm, món ăn rất là thanh đạm, dầu muối sơ sài, cách nấu nướng đơn giản. Lúc bình thường, chẳng ai cúng dường trai, thì cơm rau đạm bạc, vì kẻ tu hành chẳng cầu mỹ vị, phải tiết chế tham dục về ăn, chỉ khi nào có người cúng dường thì cơm trai mới khác. Cúng trai có các loại như *La-hán trai* là phổ thông nhất, so với cơm chay thường thì khá hơn một chút; có loại gọi là *Như-ý trai* thì trai chủ còn cúng thêm tiền bạc nữa; trai chủ tùy tâm phát lòng hoan hỷ, làm cỗ chay cúng dường đại chúng, cùng mọi người kết pháp duyên; đặc biệt nhất là *Thượng đường trai*, và ở đây trai chủ thỉnh vị trụ trì đăng đường thuyết pháp. Nghi thức này được tổ chức vô cùng long trọng tại đại tông lâm, đòi hỏi hết cả tứ chúng

ở đây tham dự. Sau thời thuyết pháp, bài giảng được yết trên bảng yết thị của tông lâm, treo cả tuần lễ, có khi nửa tháng. Giả dụ ngày ngày có người cúng Thượng đường trai, thì ngày ngày lại đổi yết thị. Trong những dịp này, quang cảnh tông lâm náo nhiệt, tại đạo tràng chuông trống khu vang, kẻ đó là thuyết pháp cho trai chủ - hay công đức chủ, nay chỉ nói qua ý nghĩa cho mọi người nghe. Số là hôm nay ở đây cũng có người cúng trai Thượng đường, theo lệ chúng phải đồng hơ, tăng cũng phải đồng, rồi hòa thượng phương trượng phải cầm phát trần, tích trượng, một số pháp khí, rồi mới đăng đường thuyết pháp. Từ trước tới nay, chùa Kim-Luân chưa từng có ai thượng đường thuyết pháp, nên hôm nay sự chuẩn bị không được đầy đủ, không thể nào làm cho đúng nghi thức Thượng đường được. Kỳ sau, nếu lại có vị nào hoan hỷ thỉnh, lúc đó có thể cử hành thật đúng nghi thức.

Đại sư Vinh-Gia, bốn tuổi xuất gia, học đủ ba tạng Kinh, Luật, Luận, đối với Thiên-thai giáo thì nghiên cứu sâu rộng. Sư thuộc họ Đái. Có thể nói Sư chưa hề bị nhiễm thế duyên, chưa từng va chạm trong xã hội, nên cốt cách tinh thuần, vô nhiễm, cho nên trong bài ca Sư trước tác, lời lẽ chân thực, từng chữ bày ra như châu ngọc, không giống như cách lái nhái chú thích của người ta. Bối Sư không bị nhiễm, nên lời ca của Sư mới thuần khiết và thanh tịnh như vậy.

‘Chứng Đạo Ca’ vừa sáng sửa lại thêm

áo, văn từ cũng không thấy có chỗ nào là khó hiểu, vậy mà ý nghĩa thật là vô cùng ảo diệu, biểu lộ Phật pháp thật là đầy đủ. Trước khi giảng ‘Chứng Đạo Ca’ ngày 7 tháng 12 năm 1965, tôi có làm 14 câu tụng kệ, phát nguyện dốc một lòng chí thành khẩn thiết để giải thích lời ca của bài này :

*Tuyên-Hóa thanh tịnh thân, khẩu, ý
Quy mạng đánh lễ Phật, Pháp, Tăng
Nãi chí thập phương tam thế Phật
Chư tôn Bồ-tát ma-ha-tát
Tây phương Đông độ lịch đại Tổ
Cổ vãng kim lai Hiền thánh đấng
Duy nguyện tam bảo thùy gia hộ
Khải ngã chánh giác chuyển pháp luân
Kiến văn tinh tấn chứng bất thoái
Đạo giá tử hàng cứu đồng luân
Nhất thiết chúng sanh giai diệt độ
Hoàn ngã bốn lai pháp tánh thân
Cận kiến Uy-âm cổ từ thân.*

‘**Tuyên Hóa thanh tịnh thân khẩu ý**’: nghiệp của chúng ta đều do thân khẩu ý tạo ra. Thân không thanh tịnh, dễ tạo nghiệp, khẩu và ý không thanh tịnh, dễ tạo nghiệp. Thân nghiệp dễ phạm là giết hại, trộm cắp, và tà dâm (sát, đạo, dâm). Ý nghiệp thì có tham, sân, si, như bình thường chúng ta nghĩ tới chuyện thị phi, nghe chuyện thị phi, làm chuyện thị phi, đó đều thuộc tham, sân, si. Bởi vậy, chỗ có thị phi, tuyệt đối chớ có gần, chuyện tà vạy, tuyệt đối chớ có hỏi, nếu ta hỏi liền bị nghiệp chướng thanh tịnh lôi cuốn, bởi có câu ‘*khẩu khai thần khí tán, thiệt động thị phi sanh*’, nghĩa là mở miệng thì thần khí hao tán, lưỡi động thì thị phi sanh.

Trời đất phú cho ta thân thể, tánh linh, là muốn chúng ta xử dụng một cách chánh đáng, chớ không bảo chúng ta lạm dụng để làm những chuyện phi pháp. Người học Phật là phải hồi quang phản chiếu, ngày ngày xét mình xem mình đã cư xử ra sao, trong đạo có làm cái gì để tranh danh danh lợi, có tranh đua cho nổi bật, có tranh quyền đoạt lợi hay không? Nếu quả có điều đó thì thật không xứng đáng là tín đồ Phật giáo; tín đồ Phật giáo là phải khiêm cung, chẳng tranh, chẳng tham, chẳng cầu, chẳng tự tư, chẳng tự lợi, không nói dối, và nếu theo đúng được sáu tông chỉ lớn này, lúc đó mới có thể gọi là tín đồ chân chánh, ý nghiệp mới gọi là thanh tịnh.

Khẩu thì có bốn nghiệp : nói thêu dệt, nói không

thật, nói lời ác, nói lưỡi hai chiều.

Nói lời thêu dệt thì đại khái như kể những chuyện trai gái dâm ô, khiến mọi người tưởng đến những chuyện xấu; hoặc giả nhằm kể những điều tổn hại danh dự của Phật giáo, khiến người khác có ấn tượng xấu về Phật giáo, chẳng hạn như nói theo kiểu này : ‘Anh thấy đó! Hần tu học mấy năm rồi mà thái độ còn hung hăng như vậy, học Phật cái gì!’ Chúng ta ngày ngày tu học Phật pháp, nếu chẳng chịu một phen dụng công phu, chính là có lỗi với Phật pháp, nên phải tự mình trách cứ chính mình, phải trị cho được cái tâm cống cao ngã mạn của mình, cũng như lòng ghen ghét đố kỵ, các loại chứng tật đó. Trong Phật giáo, đây là những chướng ngại rất lớn, giam hãm người tu không vượt được ra ngoài tam giới. Bởi vậy ba nghiệp thân, khẩu, ý là trọng yếu vô cùng.

Nói không thật, hay vọng ngữ, là điều mọi người dễ phạm phải. Nhiều khi nói không đúng sự thật, nói lời dối ngụy mà vô tình không hay biết.

Nói lời ác, là dùng lời thô lỗ mắng người khác, chọn những câu thật tục tĩu khó nghe, hay những lời độc địa, như vậy gọi là ác khẩu.

Nói lưỡi hai chiều, cũng như kẻ mang hai bộ mặt, trước mặt anh A thì nói xấu anh B, trước mặt anh B thì nói xấu anh A, gây mâu thuẫn giữa hai người, làm cho họ xích mích với nhau như nước với lửa, trong khi ấy thì mình đứng ở ngoài bàng quan xem hai bên kịch địch nhau, nghiệp cò tranh chấp cho ngư ông thù lợi.

Bởi vậy, trước khi đi vào phần **giảng** kinh, tôi cố gắng thanh tịnh mọi tập khí, khiến cho thân được thanh tịnh, khẩu được thanh tịnh, ý được thanh tịnh. Đó là ý của câu : ‘Tuyên-hóa thanh tịnh thân khẩu ý’.

‘**Quy mạng đánh lễ Phật, Pháp, Tăng**’ : Tôi xin nhất tâm quy mạng Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, và Tăng bảo.

‘**Nãi chí thập phương tam thế Phật, quá khứ hiện tại vị lai trung**’ : tức là, chiều rộng trải ra cùng hết mười phương thế giới; chiều sâu, thì suốt dọc ba đời, đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, ba đời Phật, tôi thầy đều quy kính.

‘**Chư tôn Bồ-tát ma-ha-tát**’ : Các vị đại bồ-tát trong hết thầy các bồ-tát, tôi đều hướng tới để quy mạng đánh lễ.

‘**Tây phương đông độ lịch đại tổ**’ : Đây là

kế thế các đời tổ sư ở Tây-trúc và ở Đông độ.

‘Cổ vãng kim lai hiền thánh đấng’ : Các vị thánh hiền từ xưa đến nay, giống như những ngọn đuốc sáng chiếu rọi.

‘Duy nguyện tam bảo thù gia hộ’ : Trước khi chú giải ‘Chứng đạo ca’, tôi xin hết lòng chí thành nguyện cầu tam bảo, vô tận Phật, Pháp, Tăng, thường trú trong ba đời, khắp tận hư không, cùng khắp pháp giới, gia hộ cho tôi đầy đủ trí huệ đặng có thể giảng giải ‘Chứng Đạo ca’.

‘Khải ngã chánh giác chuyển pháp luân’ : Khai mở cho tôi có được chánh tri, chánh giác, đặng tôi thấu tỏ đạo lý của ‘Chứng Đạo ca’.

‘Kiến văn tinh tấn chứng bất thoái’ : Khiến cho người nào thấy ‘Chứng đạo ca’, được nghe ‘Chứng đạo ca’, hoặc thấy ‘Vĩnh-Gia Đại sư Chứng Đạo Ca Thiên Thích’, liền được dũng mãnh tinh tấn, y pháp mà tu hành, chứng được niệ**m** bất thoái, vị bất thoái, hạnh bất thoái, ba điều bất thoái.

‘Đào giá từ hàng cứu đồng luân’ : Quay ngược cỗ thuyền từ bi trở về cõi Sa-bà để cứu chúng sanh hữu tình khỏi cảnh khổ nạn.

‘Nhất thiết chúng sanh giai diệt độ’ : Khiến hết thảy chúng sanh đều được diệt độ, lìa khổ được hạnh phúc, chứng được Niết-bàn diệt tâm.

‘Hoàn ngã bản lai pháp tánh thân’ : Trở về gốc nguồn, khôi phục lại gốc Pháp thân Phật của mình.

‘Cận kiến Uy-âm cổ từ thân’ : Khiến chúng ta, tất cả mọi người được triều bái đức Phật cổ sơ nhất là Phật Uy-âm Vương, người cha từ bi cổ sơ nhất của hết thảy chúng sanh.

Số sau: bắt đầu vào chánh văn của bài ca Chứng Đạo (Chứng Đạo ca).

RÈN LUYỆN CỐT KHÍ



Người học đạo phải có cốt cách cứng rắn nhưng phong thái nhu hoà, chí hướng rộng lớn, mà tâm ý thận trọng, cõi lòng rộng không, song lời nói chân thật, trí huệ cao vút, song biết tiếc phước báo, suy tính việc dài lâu, nghĩ ngợi cần thật tế, thành khẩn phụng vụ người trên, nhưng khiêm cung tiếp đãi kẻ dưới, nhún nhường, nhượng bộ kẻ ngang hàng; Lúc đắc ý chớ buông lung xa xỉ, lúc thất ý đừng bứt rứt thất thác, Làm phước không bằng tiết kiệm phước, Hối lỗi không bằng ít làm lỗi.

Phải nhớ thân mạng, thế gian là khổ là không, chớ a dua dòng đời, Áo quần che thân, chớ tham đẹp đẽ, Ăn uống trị đói, đừng ham ngon miệng, Phải luôn tự tỉnh ngộ đời này, rằng kiếp trước mình đã có công hạnh gì mà nay ngồi hưởng của tín thí? Trong 12 thời phải luôn kiểm điểm thân khẩu ý nghiệp xem chúng làm thiện nhiều chăng? Làm ác nhiều chăng? Làm vô ký nhiều chăng? Đủ sức tiêu hoá tứ sự cúng dường chăng? Nếu chẳng đủ sức thì hãy hổ thẹn giác ngộ, tu tỉnh. Thế thì tự nhiên thói quen sẽ từ từ tiêu trừ, trí quang sẽ từ từ hiển lộ. Ý của Tổ của Phật đều hiển hiện từ một niệ**m** thanh tịnh trong tâm thôi.

Thông Báo

Quán Âm Thất

Vạn Phật Thành (707) 462-0939 sẽ tổ chức bảy ngày Quán Âm thất chuyên trì niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát từ *chủ nhật ngày 19 đến thứ bảy ngày 25 tháng 10*. Và sẽ cử hành lễ vía Đức Quán Thế Âm xuất gia vào ngày 19/10.

Nếu quý Phật tử muốn về dự lễ nhưng thiếu phương tiện, xin liên lạc về chùa Kim Luân (213) 258-6668, chùa Kim Sơn San Francisco (415) 421-6117, và chùa Kim Thánh San Jose (408) 923-7243 vì các chùa trên đều có xe mượn xe bus đưa đi và về.

Thuyết giảng

Kim Thánh Tự San Jose (408) 923-7243

Tụng Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn và thuyết pháp (bằng Việt ngữ) lúc 2 giờ chiều thứ bảy 27 tháng 9, và tiếp tục vào mỗi hai tuần sau đó (vào ngày 11, ngày 25 tháng 10....). Xin liên lạc với Sư Cô Hằng Bích (415) 421-6117 và Sư Cô Hằng Ưu (916) 374-8268 nếu muốn thêm chi tiết.

Saturdays (9:00 - 11:00 AM): Shurangama Sutra (Kinh Lăng Nghiêm). Thầy Hằng Bình giảng.

Sundays: (9:00 - 11:00 AM): Lotus Sutra (kinh Pháp Hoa). Thầy Heng Sure & Heng Yuen (Hằng Thật và Hằng Duyên) giảng.

Chùa Long Beach (562) 438-8902

Kinh Hoa Nghiêm (bằng Việt ngữ) vào mỗi tối thứ sáu từ 7 đến 10 giờ.

Kinh Lăng Nghiêm: Ngũ Ấm Ma (bằng Anh ngữ và tiếng Quan thoại) vào tối thứ bảy từ 7 đến 9 giờ.

Thiền tập vào sáng chủ nhật từ 7 đến 11 giờ.

Giảng kinh Lăng Nghiêm (**phần Ngũ Ấm Ma**) bằng Việt ngữ từ 3 đến 5 giờ chiều chủ nhật.

Chùa Berkeley (510) 848-3440

Berkeley Buddhist Monastery Schedule of Events:

- Daily Meditation Mornings 6:15AM Evenings 5:15 PM

- Mondays and Wednesdays: Cha'n Meditation Class.

Leaders: Bhikshu Heng Sure & Steve Tainer
7:30 - 9:30 Mondays: Beginners

Wednesdays: Intermediate

- Tuesdays: Prajna Yoga and Meditation Class.
Instructor: Dr. M. N. Rao. 6:30 - 7:30 PM Intermediate 7:30- 8:30 PM Beginners

- Thursdays: Vipassana Meditation Group.
Leader: James Baraz 7:30 - 9:30 PM

- Saturday Evenings: Sutra lecture
The Sixth Patriarch's Platform Scripture (Kinh Pháp Bảo Đàn).
Thầy Heng Sure 7:30 - 9:30 PM

- Community School (Virtue Studies, Mandarin and Vietnamese) 6:00 PM - 9:00 PM Saturday Evenings

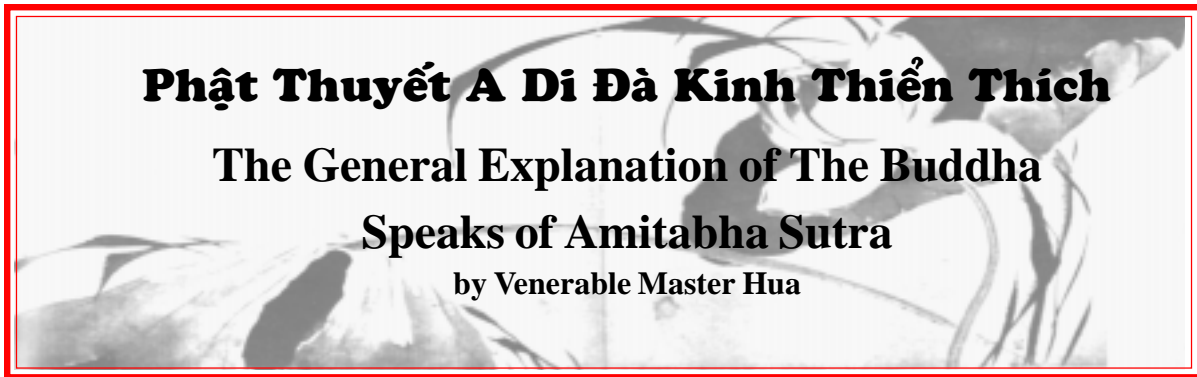
- Some Saturday Mornings (call for times)
UC Berkeley Meditation Workshop.
Leader: Bhikshu Heng Sure 9:00 - 10:30 AM

- Saturday Afternoons: Women's Practice Group
Second Saturday of each month. 2:00 - 4:00 PM
Leaders: Nuns of Dharma Realm Buddhist Association

Bồ Đề Hải Online

Bồ Đề Hải đã có trên internet. Quý Phật tử có thể xem tại:

<http://www.saigon.com/~fopusa/>



Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại chùa Kim Sơn San Francisco từ tháng 10 đến tháng 12 năm 1969.

(continued from the last issue)

(tiếp theo số trước)

A Di Đà, từ kế tiếp của tên Kinh, là một tiếng Phạn có nghĩa là “vô lượng quang.” Một tên khác của Ngài là *Amitayus*, có nghĩa là “vô lượng thọ.”

Quý vị có thể có nghi vấn là, “*Nhưng Kinh nói rằng Đức Phật A Di Đà thành Phật đã mười kiếp rồi. Mười kiếp là một thời gian nhất định. Tại sao Hòa thượng nói 'vô lượng thọ' rồi lại tính thành thời gian?*”

“Vô lượng thọ” nói đến *phước đức* của Đức Phật A Di Đà. “Vô lượng quang” nói đến *trí tuệ* của Ngài. Ánh sáng trí tuệ của Ngài vô lượng và rực sáng. Vô lượng thọ, vô lượng quang. Chẳng những phước báu, công đức, và trí tuệ của Ngài vô lượng mà thần thông, biện tài, tướng hảo, thuộc tính một vị Phật, và giáo lý của Ngài cũng vô lượng. Không thể nào nói cho cùng những đức tính này vì rằng những điều ấy vô cùng, không có mặt chỗ nào cả nhưng cũng không vắng mặt ở nơi nào cả.

Cái “vô lượng” từ đâu mà ra? Các nhà toán học tất hiểu rằng cái vô lượng đến từ cái một. Một là nhiều và nhiều là một. Một nhà bác học đã viết một cuốn sách và nói rằng, “Người ta viết những con số lớn bằng cách bắt đầu với con số một rồi thêm vào những con số không. Cộng thêm số không cho đến khi khoảng không gian giữa trời và đất chật hết. Sau khi các vị đã viết chật hết những

AMITABHA, the next word in the title, is a Sanskrit word which means “limitless light.” Amitabha’s other name, *Amitayus*, means “limitless life.”

“But,” you might ask, “the sutra says that there has been ten kalpas since Amitabha realized Buddhahood. Ten kalpas is a definite length of time. Why do you speak of “limitless life” and then measure it out in time?”

Amitayus, “limitless life” refers to his blessing and virtue. “Limitless light” refers to his wisdom. His wisdom light is limitless and bright, limitless light, limitless bright. Not only his blessings, virtues, and wisdom are limitless, but are his spiritual powers, his eloquence, his attributes, and his teachings. There is no means for counting them because they are infinite, nowhere present and nowhere absent.

Where did the limitless come from? Mathematicians should know that the limitless comes from the one. One is many and many are one. A scholar once wrote a book and said, “Large numbers are written by starting with one and then employing many places holding zeros. Keep adding zeros until the space between heaven and earth is filled. When you have written all over your walls and covered your floors, can you determine the total? Couldn’t you still add another zero? Numbers are endless.”

Amitabha Buddha’s life, wisdom, merit, virtue, and Way-power are all infinite and unbounded. If you want a big figure, go ahead and write columns of zeros.

Knowing that there can be no definite total, the Buddha, who is the perfection of intelligence, just said,

bức tường và sàn nhà của các vị, các vị có thể biết được tổng số hay không? Chẳng lẽ các vị không thêm được con số không nào nữa hay sao? Những con số là vô lượng.”

Thọ mạng của Đức Phật A Di Đà, trí tuệ, công đức, và Đạo lực của Ngài đều vô cùng và vô biên. Nếu quý vị muốn một con số thật lớn, hãy viết thêm thật nhiều số không.

Biết rằng không thể xác định một tổng số, với trí tuệ tột đỉnh của Ngài, Phật nói, “vô lượng, không thể tính đếm được.” Toán học có thể giải thích vô cực, và các khoa học gia đã gửi người lên không gian để khảo cứu, nhưng khi tới được không gian, thì bên kia khoảng không gian này, vẫn còn khoảng không gian khác. Vô tận. Cùng một lẽ ấy, những con số có thể lớn mãi và như vậy, chúng ta có thể hiểu sự mênh mông về công đức và trí tuệ của Đức Phật A Di Đà. Vì vậy, danh hiệu của Ngài mới là A Di Đà.

Cả hai Đức Phật A Di Đà và Thích Ca Mâu Ni đều là người thường mà trở thành Phật. Các vị không từ trên trời rơi xuống, cũng không phải từ dưới đất hiện lên. Là những người thường, các vị đã tu hành và quả tu đã làm cho các Ngài trở thành thánh nhân. Theo sự phân loại tên Kinh, Kinh này là “nhân lập đề” tức là tên kinh là tên người, nhưng không phải một người như chúng ta. Người ấy là một vị Phật, một người đã thành chánh quả. Chúng ta là chúng sanh. Ta chưa thành chánh quả, nhưng đang vun bón cái nhân Phật quả. Khi tu thành Phật quả, chúng ta sẽ trở thành thánh nhân. Danh hiệu của vị Thánh nhân trong kinh này tức là A Di Đà, được dùng để phân loại tên Kinh.

(Đến đây phần **tên riêng** hay biệt danh của kinh đã giải thích xong. Số sau sẽ là phần **tên chung** hay thông danh).

Vajra...

continued from p. 7

The third heart is the true suchness heart which is real mark prajna. The true suchness heart is so great there is nothing beyond it, and so small there is nothing within it. One will find nothing smaller or larger than the true suchness. The true suchness heart is the vajra heart, the real nature of every one of us.

(to be continued)

“Limitless and uncountable.” Mathematics can explain infinity, and scientists have sent men into space to study it, but having arrived in empty space, there’s still more empty space beyond. There’s no end to it. Numbers go on infinitely and in this way we can understand the vast expanse of Amitabha Buddha’s blessedness, his virtue, and his wisdom. Therefore, he is called Amitabha.

Both Amitabha and Sakyamuni Buddha were ordinary people who became Buddhas. They did not descend from the heavens or ascend from the depths of the earth. As people, they cultivated the Dharma and now they are sages who have realized the result. According to the classification of Sutra titles, this Sutra is established by reference to a person, but not a person like us. He is a Buddha, one who has realized the result. We are living beings; we have not realized the result, but are cultivating the cause of Buddhahood. Once Buddhahood is realized, we will be sages. This sage’s name, Amitabha, is used to classify the title of the Sutra.

(Next issue: The Common Title)

Mộng

Nhân sinh nhất trường *mộng*,
 Nhân tử *mộng* nhất trường.
Mộng lý thân vinh quý,
Mộng tinh tại cùng hương,
 Triều triều thị tác *mộng*,
 Bất giác *mộng* hoàng lương,
Mộng trung nhược bất giác,
 Uổng tác *mộng* nhất trường.

Nghĩa là:

Người sống: một tràng mộng,
Người chết: mộng một tràng.
Trong mộng thân vinh quý,
Tỉnh mộng vẫn nghèo xơ,
Ngày ngày cứ nằm mộng,
Chẳng biết mộng “kê vàng,”
Nằm mộng mà chẳng biết,
Uổng thay mộng một tràng.

HT Tuyên Hóa



SƠ LƯỢC VỀ PHẬT GIÁO Buddhism : A Brief Introduction

The Faculty of the Developing Virtue Secondary School, CTTB

Chương Hai

Nguyên Nhân Khổ Đau: Vô Minh và Nghiệp

Nguyện thứ hai của vị Bồ Tát trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là:

Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn

*Chúng sanh chìm trong bể phiền não
Kiến trước ngu si rất đáng sợ
Như Lai thương xót khiến thoát ly
Vĩnh viễn xa rời mọi phiền não.*

*(Phẩm 1: Thế Chủ Diệu Nghiêm,
Kinh Hoa Nghiêm).*

Nguyện thứ hai tương ứng với Đế thứ hai trong Tứ Diệu Đế: Tập Đế, Nguyên nhân của Khổ đau.

*Này các tỳ kheo! Thế nào là Tập Đế?
Đó là những khát vọng dẫn đến hiện hữu, kèm theo sự tham đắm và lòng ham muốn tìm cầu thỏa mãn ở mọi nơi. Tên của nó là sự khát vọng các thú vui vật chất, sự khát vọng hiện hữu, và sự khát vọng không hiện hữu. (Sự khát vọng này hàm ý sự thiếu hiểu biết - vô minh - về Khổ Đế, Diệu Đế Thứ Nhất. Vô minh và khát vọng là những phiền não*

Chapter Two

The Cause Of Suffering: Ignorance And Karma

Second Magnificent Vow of the Bodhisattva:

I vow to put an end to the infinite afflictions of living beings.

Living beings are drowning in the sea of afflictions. Defiled by deluded and confused views, they are quite alarming.

The Great Teacher feels pity in his heart and enables them to separate from afflictions forever.

(Rulers of the World, Chapter 1, Avatamsaka Sutra).

The second vow corresponds to the Noble Truth of the Cause of Suffering.

What, Bhikshus, is the Noble Truth of the Cause of Suffering? Just this thirst, leading to being, accompanied by delight and passion, gratifying itself now here and now there; namely the thirst for sense pleasures, the thirst for being, and the thirst for non-being. (This “thirst” implies ignorance of the first truth of suffering. Ignorance and thirst are the most fundamental afflictions.) The Cause of Suffering should be cut off.

(Turning the Dharma Wheel Sutra -

căn bản). Nguyên nhân của Khổ phải được đoạn. (*Kinh Chuyển Pháp Luân*).

Muốn dứt khổ, chúng ta phải nhận diện được nguyên nhân của nó. Đức Phật đã giác ngộ được nguyên nhân căn bản của khổ đau là vô minh. Do vô minh mà dục vọng tức là sự ham muốn cho mình phát khởi. Vô minh và dục vọng kết cấu với nhau làm cho mù quáng và ngăn cản khả năng thực chứng tự tánh sẵn có. Bị đảo điên và mê lầm, thấy “mắt cá mà tưởng là hạt châu,” lầm lẫn những sự vật vô thường đổi thay mà cho đó là chân tánh.

Ông đã đánh mất cái kho báu cơ bản của ông: đó là tâm tròn sáng, vi diệu của ông (bản minh). Tuy ở ngay trong tánh giác trong suốt (bản minh) của ông, do vô minh và lậu hoặc, ông lầm tưởng cái giả cho là cái thật
(*Kinh Thủ Lăng Nghiêm*).

Những tướng giả dối tiền trần làm mê lầm chân tính của ông, và vì vậy, từ vô thủy cho đến nay, ông nhận kẻ cắp làm con, bỏ mất tính bản lai thường trụ nên phải quay cuồng trong bánh xe luân hồi sanh tử
(*Kinh Thủ Lăng Nghiêm*).

Vì vô minh, chúng sanh tạo nghiệp. Chữ “nghiệp” có nghĩa là “hành động.” Nói một cách chính xác hơn, nghiệp là những hành động mà chúng ta cứ lập đi lập lại mãi, những hành động mà nguồn gốc là dục vọng, bị chi phối bởi luật nhân quả. Luật này đơn giản có nghĩa là bất cứ hành động thiện hay ác nào của thân, khẩu, ý, đều phát sinh một quả thiện hay ác tương ứng. gieo nhân thì gặt quả, mà quả báo thì nặng nhẹ và nhanh chậm tùy theo từng trường hợp.

Ví dụ có người nhiếc móc chúng ta, và chúng ta mắng trả. Sự nhiếc móc của người kia là quả của nghiệp quá khứ nay đang trở. Khi chúng ta mắng trả, chúng ta đã tạo nghiệp mới, đưa đến quả xấu trong tương lai. Tất cả những điều chúng ta làm từ thân, khẩu, ý phát sinh ra là nhân. Và tất cả những điều xảy đến cho chúng ta là quả. Cho nên hiện tại vừa là quả của quá khứ vừa là nhân của tương lai. Hiện chúng ta ra sao là kết quả của những gì chúng ta đã làm trong quá khứ, và những gì chúng ta đang làm bây giờ là nhân của những gì chúng ta sẽ nhận chịu trong tương lai.

Tuy nhiên, nghiệp không có nghĩa là “số phận”

Dhamma Cakka Ppavattana Sutta).

To end suffering, we have to recognize its cause. The Buddha found that the fundamental cause of suffering is ignorance. Ignorance in turn leads to the arising of self-centered desire. Ignorance and desire combine to blind us and preclude any possibility of realizing our inherent spiritual nature. Confused and dazed we “mistake fish eyes for pearls,” i.e., confuse the ebb and flow of things impermanent with our true self.

You have lost track of your fundamental treasure: the perfect, wondrous bright mind. And in the midst of your clear and enlightened nature, you mistake the false for the real because of ignorance and delusion.

(*Shurangama Sutra*).

Your true nature is occluded by the misperception of false appearances based on external objects, and so from beginningless time until the present you have taken a thief for your son. You have thus lost your eternal source and instead turn on the wheel of birth and death.

(*Shurangama Sutra*).

Because of ignorance, living beings create karma. The word “karma” means “activity.” Karma, more specifically, is activities we do over and over again—activities rooted in desire and governed by the law of cause and effect. The law of cause and effect, simply stated, is that every good or bad act of body, speech and thought, generates a corresponding good or bad result. The cause necessarily brings the result, which differs only in degree and time according to circumstances.

For example, someone berates you, and then you scold him in return. His berating you is the result of past karma which has now come to fruition. When you scold him, you are creating new karma, which will bring equally unpleasant results in the future. All the things *you do* in body, speech and thought are causes. And all the *things that happen to you* are results. Thus, the present is both the fruit of the past and the seed of the future. What you are is what you have done; and, what you do is what you will become.

Karma, however, should not be construed as “fate” or “predestination.” Karma is not fixed and unalterable. Only the principle or “law” of karma is unalterable: you reap what you sow. Yet free will and conscious choice are present in and inform each and every action. The individual is free to choose, but not free to evade

hay là “định mệnh.” Nghiệp không cố định mà cũng không phải là không thay đổi được. Chỉ có cái “lý,” hay cái “luật” của nghiệp báo là bất di bất dịch: *gieo nhân nào thì gặt quả đó*. Mỗi hành động đều do ý muốn và sự lựa chọn của người làm ra nó. Người đó tự do lựa chọn, nhưng không có tự do trốn thoát hậu quả về sự lựa chọn của mình. Khi hành động cố ý, thì quả chắc chắn xảy ra không thể nào ngăn được. Con người không thể thoát được định luật bất biến này, nhưng con người có thể hiểu nó, làm chủ được sự vận hành của nó, nên do đó thoát khỏi vòng sanh tử vô tận.

Do đó, một trong những mục tiêu của sự tu hành trong Phật giáo là đạt được tâm thanh tịnh và trong sáng, giúp cho hành giả có những sự lựa chọn sáng suốt, tránh lầm lẫn về nhân quả. Ngay cả các vị Thánh Hiền, kể cả chư Phật và chư Bồ Tát, cũng không ở ngoài định luật nhân quả; các Ngài không bao giờ lầm lẫn về nhân quả. Bởi định luật nghiệp báo này nên sự nhấn mạnh về giữ gìn giới luật trong Phật giáo là một điều dễ hiểu. Giới luật và chánh niệm giúp chúng ta luôn luôn tỉnh thức trong mọi hành động, nhất là tác ý của những hành động ấy. Những hành vi mà động lực là dục vọng ích kỷ và vô minh chắc chắn kéo theo ác nghiệp, không thể tránh được. Ngược lại, những hành vi không do dục vọng và lậu hoặc bao giờ cũng đem lại hậu quả tốt là thiện nghiệp và sự tự do thực sự. Phân biệt được thiện và ác, lành và dữ, tự do và ràng buộc, là dấu hiệu của trí tuệ, một trong hai đức tính lớn nhất trong Phật giáo.

Từ bi là đức tính thứ hai, trọng tâm khác của sự hành trì Phật giáo, cũng phát xuất từ sự hiểu biết rõ ràng về nghiệp báo. Giáo lý nghiệp báo xác nhận sự quan hệ sâu xa giữa mọi chúng sinh và mọi vật. Sự tương quan giữa mọi vật có nghĩa là cái gì “chạm” đến một, tức “chạm” đến tất cả. Đây là một chân lý mà chư Phật và chư Bồ Tát đã giác ngộ được. Những chia cắt giữa ta và người, giữa thân và tâm, giữa người và cảnh đều là nguỵ tạo và hư dối. Cho nên lời dạy của người xưa, ‘kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân’ (những gì mà ta không muốn thì đừng làm cho người khác) thật sự có một ý nghĩa sâu xa có thể dùng làm khuôn vàng thước ngọc.

Tuy nhiên, đức từ bi vượt hẳn trên lòng tốt thường tình. Lòng tốt thường tình chỉ là đối xử tử tế với người khác để mong họ đối xử tử tế lại với

the consequences of those choices. Once there is action with intention, the results inexorably follow. One cannot escape this immutable law, but one can understand and master its workings and thereby escape the cycle of existence with its endless births and deaths.

Hence, one of the major goals of Buddhist practice is to attain the pure conscience and resulting clarity of mind that enables one to make wise choices and avoid errors in cause and effect. Even sages, including Buddhas and Bodhisattvas, are not exempt from the law of cause and effect; they simply do not err in cause and effect. The stress on moral precepts and meditation in Buddhism thus makes sense within the context of karma. Morality and mindfulness are designed to keep us in touch with our actions and, more importantly, the intentions driving those actions. Actions motivated by selfish desire and ignorance invariably result in unwholesome karma and entrapment. The converse is equally true: actions taken free of selfish desire and delusion invariably result in wholesome karma and genuine freedom. Being able to see and intelligently choose between good and evil, wholesome and unwholesomeness, liberation and bondage is the hallmark of wisdom—one of Buddhism’s two greatest virtues.

Compassion, the other central virtue of Buddhist practice, also arises from a clear understanding of karma. The principle of karma implies and confirms a deep inter-relationship between all beings and all things. This inter-relatedness among all things means that what touches one, touches all. This is the truth that all Buddhas and Bodhisattvas awaken to. The dichotomies we make between self and others, body and mind, and man and nature are all fabrications and false. We thus, in a very real way, ‘do unto others what we do unto ourselves’, suggesting yet a deeper dimension of meaning to the long-standing Golden Rule.

Compassion, however, goes beyond instrumental kindness, i.e., being good to others so that they will be good to us. Compassion literally means ‘being one with everyone.’ It is a way of seeing and being (not merely an attitude or way of thinking) in absolute identity with all that lives. It is both how things really are and how things might be—a solution to all of mankind’s conflict and disorder.

Thus, understanding karma is central to understanding Buddhism—the teaching of wisdom and compassion. Karma is the primary force that keeps us turning in the illusory cycle of birth and death. When under-

mình, còn đức từ bi là xem ‘mình với tất cả mọi người là một’. Đó là một cách nhìn và lối sống, đặt mình đồng một thể với muôn loài, chứ không phải chỉ là một thái độ hay là một lối suy nghĩ. Mọi sự mọi vật thực sự như vậy và phải như vậy, tất cả đồng một thể. Với cái nhìn và lối sống ấy thì mọi xung đột và rối loạn của nhân loại sẽ được giải quyết.

Thế nên hiểu rõ lý nghiệp báo là then chốt cho sự thấu suốt Phật pháp, giáo lý của trí tuệ và từ bi. Nghiệp xấu đưa chúng ta triền miên trong cái vòng huyền hóa của sinh tử luân hồi. Nhưng khi hiểu rõ và làm chủ được, thì chúng ta có thể tạo nghiệp tốt dẫn chúng ta thoát khỏi cái vòng bất hạnh này, và phát triển được từ bi và trí tuệ để thật sự đem lại lợi ích cho nhân loại. Đức Phật đã so sánh những người còn kẹt trong vòng nghiệp báo như sau:

*Ác nghiệp của người tạo như sữa trong bình:
nó không đông ngay; nhưng nó lên men và
theo sát kẻ khờ dại như
lửa nóng vùi dưới lớp tro.*

(Kinh Pháp Cú, Câu 71)

Gia đình, hoàn cảnh xã hội và ngay cả thân ta đều là quả của nghiệp quá khứ. Mọi sự mọi vật trên thế giới cũng vậy, là biểu hiện của cộng nghiệp.

*Chúng sanh nghiệp sai khác
Thế giới nhiều vô lượng
Trong đó sanh thủ trước
Thọ khổ vui chẳng đồng.*

*(Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm thứ 5:
Hoa Tạng Thế Giới)*

Chúng ta gặp phải những việc dường như bất công, nhưng thật ra những gì chúng ta nhận lãnh đều là quả của những “hạt giống” đã gieo trong quá khứ. Chính chúng ta có trách nhiệm về mọi điều xảy đến vì nghiệp rất công bằng, không thiên vị và không bao giờ sai lầm.

*Tất cả những gì các người gây ra cho kẻ khác
sẽ trở lại để cho chính các người nhận lãnh.*

*Nếu các người muốn biết những nhân đã gieo
trong các kiếp quá khứ,
Hãy nhìn sự báo ứng mà các người đang gặp
hôm nay.
Nếu các người muốn rõ kiếp tương lai,
Chỉ cần nhìn những gì các người đang làm*

stood and mastered, it is the same force that can free us from this hapless cycle, and gives us the compassion and wisdom to truly benefit the world. The Buddha gave an analogy for those caught in this cycle of karma:

*Bad karma that is created,
like milk, does not curdle at once;
Fermenting, it follows the fool
like a fire covered by ashes.*

(Dharmapala, Verse 71)

The family and social environments that we are born into and even our bodies are the result of our karma from past lives. The entire world as well manifests from the collective karma of all living beings.

*Living beings' individual karma,
Leads to worlds of infinite kinds.
Therein, of those who grasp at life,
Each receives a different measure
of suffering and happiness.*

*(Flower Store Sea of Worlds, Chapter 5,
Avatamsaka Sutra).*

The reason why people undergo seemingly unwarranted rewards and retributions must ultimately be traced back to causes or “seeds” we planted in the past. We ourselves are responsible for everything that happens to us. Karma is fair, impartial, and never in error.

*All the many things you do to others will return to
be undergone by yourself.*

*If you want to know your past lives' causes,
Look at rewards you are reaping today.
If you wish to know your future lives,
You need but notice what you're doing right now.*

*All men and women in the world, whether poor
and lowly or wealthy and noble, whether they are
undergoing limitless sufferings or enjoying blessings
without end, are all undergoing retributions
from causes in their past lives.*

*Sometimes people have plentiful goods.
The reason is quite fair.
In the past those same people
Gave food liberally to the poor.
Some happy fellows' fathers and mothers,
Enjoy long life, contentment, and ease.
The reason for rewards such as these, you wonder?
In times past they looked after orphans
And cared for all elderly people as their own.*

hôm nay.

Mọi người nam nữ trên thế gian, nghèo hèn hạ tiện hay giàu sang quyền quý, đang chịu vô lượng khổ hay hưởng bất tận lạc, tất cả đều đang gặt quả của nhân quá khứ.

*Nhiều người có đầy đủ của cải
Nguyên do quả thật công bằng:
Trong quá khứ, chính những người ấy
Đã rộng lượng bố thí thức ăn cho kẻ nghèo.
Những người có song thân dài tuổi thọ
Sống lâu, hạnh phúc, an nhàn
Lý do vì sao ai biết?
Chính là vì trong quá khứ,
Họ đã nuôi nấng trẻ mồ côi,
Và chăm sóc người già như chính cha mẹ họ.
(Kinh Nhân Quả Tam Thế)*

*Bồ Tát Địa Tạng, nếu gặp kẻ sát sinh, thì dạy cho biết, vì mầm vạ ấy mà chịu báo chết non.
Nếu gặp kẻ trộm cắp, thì dạy cho biết, vì thế bị quả báo nghèo cùng khổ sở.
Nếu gặp kẻ ác khẩu, thì dạy cho biết, vì thế bị quả báo họ hàng cãi nhau.
Nếu gặp kẻ hay dèm chê, thì dạy cho biết, vì thế bị quả báo thiếu lương và lở mồm.
Nếu gặp kẻ hay giận dữ, thì dạy cho biết, vì thế bị quả báo xấu xa tàn tật.
(Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên)*

Tập Đế chỉ rõ căn nguyên của khổ là vô minh. Vì vô minh, chúng ta hiểu lầm rằng cái “ngã” của chúng ta là một cái gì sanh diệt. Mê lầm về điều căn bản này, chúng ta sẽ tham sống sợ chết, và do đó tạo ra vô lượng ác nghiệp. Thật ra, chân tánh của chúng ta chưa hề bao giờ sanh và chưa từng bao giờ diệt. Cái “ta” sanh diệt chỉ là một ảo tưởng, một huyền ảnh của tâm thức tạo ra bởi vô minh.

*Rồi Đức Thế Tôn giải thích về tính không có thực của cái ngã.
‘Bất luận cái gì có sanh đều sẽ tàn hoại. Tất cả những ưu tư về cái ta đều vô bổ; cái ta như một ảo ảnh, những ưu phiền khổ não đến với nó sẽ qua đi. Chúng nó tan biến đi như một giấc mộng khi kẻ nằm mơ thức giấc. Người tỉnh thức được thoát ra khỏi sự sợ hãi; người ấy đã thành Phật và người ấy biết rằng tất cả những lo lắng, những tham vọng, và cả những khổ đau đều là phù phiếm. Người kia*

(Sutra on Cause and Effect in Three Periods of Time).

If he meets those who take life, Earth Store Bodhisattva describes the retribution of a short life. If he meets robbers and petty thieves, he tells of the retribution of poverty and acute suffering.

To those with harsh tongues, he explains they will have a quarreling family. To people who slander, he warns of the retribution of a tongueless and cankerous mouth. And to those angry and hateful, he tells how they will become ugly and crippled.

(Sutra of the Past Vow of Earth Store Bodhisattva).

The Truth of the Cause of Suffering pinpoints the root problem of suffering: ignorance. Because of ignorance we mistake our “self” to be something that is born and dies. Confused about this fundamental issue, we easily become driven by fear of death and grasping at life, and thus we create infinite kinds of karma. In reality our true nature was never born and will never perish. The “self” that undergoes birth and death is an illusion, a phantasm of our mind giving birth to ignorance.

Then the World Honored One explained the insubstantiality of the self.

‘Whatsoever is originated will be dissolved again. All worry about the self is vain; the self is like a mirage, and all the tribulations that touch it will pass away. They will vanish like a nightmare when the sleeper awakes.

He who has Awakened is freed from fear; he has become a Buddha; he knows the vanity of all his cares, his ambitions, and also of his pains.

It easily happens that a man, when taking a bath, steps upon a wet rope and imagines that it is a snake. Horror will overcome him, and he will shake from fear, anticipating in his mind all the agonies caused by the serpent’s venomous bite. What a relief does this man experience when he sees that the rope is no snake. The cause of his fright lies in his error, his ignorance, and his illusion. If the true nature of the rope is recognized, his peace of mind will come back to him; he will feel relieved; he will be joyful and happy.

This is the state of mind of one who has recognized that there is no self, that the cause of all his troubles, cares, and vanities is a mirage, a shadow, a dream.’

(Pali Canons Sutra)

xuống tắm nơi một giòng nước, đập phải một sợi dây và tưởng rằng đó là một con rắn. Anh ta kinh hãi, run lên vì sợ, và tâm anh ta liên tưởng đến những đau đớn cực độ do nọc độc con rắn gây ra. Khi anh ấy thấy rằng đó chỉ là một sợi dây thì anh ta thở phào một cách nhẹ nhõm biết chừng nào!

Nguyên nhân của sự khiếp đảm của anh ta là sự lầm lẫn, sự thiếu hiểu biết, và ảo tưởng của anh ta. Khi thấy con rắn tưởng tượng chỉ là sợi dây, thì tâm anh ta bình thản trở lại; anh ta cảm thấy nhẹ nhàng, vui mừng và hạnh phúc. Đó là tâm trạng của người thấy rằng không có cái ta thật sự, rằng nguyên nhân của tất cả những phiền toái, lo âu, và phù phiếm chỉ là một ảo ảnh, một cái bóng, một giấc mộng.”

(Tạng Pali)

Đức Phật đã dùng một tỉ dụ khác để mô tả vô minh thì không có nhân. Đó là đoạn nói về Diễn Nhã Đạt Đa trong kinh Lăng Nghiêm. Một ngày nọ Diễn Nhã Đạt Đa nhìn vào gương và thích cái mặt trong gương. Vô cố nghĩ rằng mình không có đầu, và cái đầu trong gương là của người khác. Bỗng nhiên anh ta trở nên điên dại, vừa chạy vừa la, “Cái đầu của tôi đâu! Cái đầu của tôi đâu!”

Đức Phật dạy: “Cớ lý do nào mà Diễn Nhã Đạt Đa sợ hãi mất đầu đến nỗi điên loạn? Nếu sự điên loạn bỗng nhiên chấm dứt, thì không phải là vì anh ta lấy lại được cái đầu ở một chỗ nào bên ngoài. Cho nên trước khi sự điên loạn của anh ta dứt, làm sao mà cái đầu của anh ta mất được?...”

(Kinh Thủ Lăng Nghiêm).

“Khi sự điên loạn kiểu Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm của các vị chấm dứt, thì chính sự chấm dứt ấy là Giác ngộ. Cái tâm trong sáng, thanh tịnh tốt đỉnh nguyên lai thẩm thấu tất cả thực tại. Cái tâm đó không phải do ai khác cho mình.”

(Kinh Thủ Lăng Nghiêm).

*Tự tâm trở chấp lấy tự tâm,
Không phải huyền thành ra pháp huyền.
Không chấp trước, không gì phi huyền
Cả cái phi huyền còn không sinh,
Pháp huyền làm sao thành lập được?
Danh gọi là Diệu Liên Hoa,
Kim Cang Vương Bảo Giác.”*

(Kinh Thủ Lăng Nghiêm)

The Buddha used another analogy to describe how ignorance, by nature, has no cause, no reason for being. Indeed, the greatest mystery in life is “Why is there ignorance?” The Buddha said that we are like Yajnadatta, an Indian contemporary of the Buddha. One day Yajnadatta looked in a mirror and fell in love with his reflection. For no reason, he thought the head in the mirror belonged to someone else, and that he did not have a head of his own. He suddenly went insane and ran about madly screaming, “Where is my head! Where is my head!”

The Buddha said, “Was there any reason why he became fearful for his head and ran madly about? If his madness were to suddenly cease, it would not be because he “recovered” his head from someplace outside. So even before his madness ceased, how could his head have been lost?.....”

(Shurangama Sutra)

“When the madness of the Yajnadatta in your own mind ceases, just that ceasing is Enlightenment. The supreme, pure, bright mind originally pervades all reality. It is not something obtained from anyone else.”

(Shurangama Sutra).

“With your own mind, you grasp at your own mind. What is not illusory turns into illusion. If you don't grasp, there is no non-illusion. If even non-illusion does not arise, How can illusory dharmas be established? This is called the wondrous lotus flower, the regal vajra gem of Enlightenment.”

(Shurangama Sutra).

Lecture on The Sixth Patriarch Sutra by Bikshu Heng Sure

from 7pm to 9pm Friday evenings at The Berkeley Buddhist Monastery 2304 McKinley Ave., Berkeley. For more information, please phone (510) 848-3440.

Mỗi tối thứ sáu từ 7 đến 9 tại chùa Berkeley, Thầy Hằng Thật thuyết giảng **Lục Tổ Bảo Đàn Kinh** bằng tiếng Anh và Quan thoại và được dịch sang tiếng Việt. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc chùa @ (510) 8483440



HT Hư Vân Họa Truyền

7. Để Nối Dối Tông Đường, Ngài Đình Hôn Với Hai Thiếu Nữ

Niên hiệu Đạo Quang năm thứ 30 (tức 1850), khi Ngài được 11 tuổi, phụ thân Ngài chuyển về Tuyên-châu. Lúc ấy bà nội Ngài, tuổi lớn già cả, nên tha thiết muốn cháu lấy vợ. Vì phải nối dõi luôn dòng của chú mình, nên Ngài đã làm kẻ thừa kế cho cả hai họ Chu và họ Tiêu. Do đó Ngài được hứa hôn với một người con gái họ Điền và một cô họ Đàm. Gia đình của hai cô vốn đều quê quán ở huyện Tương, tỉnh Hồ-nam. Họ đều làm quan tại tỉnh Phúc-kiến, nên quen biết nhau nhiều đời, rồi nay họ lại trở thành thân quyến. Vâng lời dạy của cha mẹ Ngài về hôn ước, Ngài được đính hôn với hai cô.

Hòa-thượng Tuyên Hóa có kệ rằng:

*Thành lập gia thất, thuận luân thường
Yên, nhàn, trịnh, tĩnh: nếp trâm anh
Tĩnh nghiệp tròn tu, là bạn pháp,
Không nhà, không mình, không sắc-không.*

Dharma Realm Buddhist Association *
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803 - USA
Tel./Fax. (562) 438-8902
E-Mail: BoDeHai@AOL.com
<http://www.sailgon.com/~fopusa/>

Non-Profit Org.
 US POSTAGE
PAID
 Long Beach, CA
 Permit No.432

To : _____

* Báo phát hành mỗi 2 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Long Beach Monastery. Chi phiếu giúp ấn tống Bồ Đề Hải, xin đề Dharma Realm Buddhist Association(hay DRBA).